

**STREAM**



Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực

# Tạp chí **STREAM**

Học hỏi và trao đổi thông tin về đời sống của nông, ngư dân

*Sáng kiến STREAM do AusAID, DFID, FAO, NACA và VSO tài trợ*

## Mục lục

Nhóm du mục Pode (Pokhara, Nê-pan) cải thiện kinh tế bằng nghề nuôi thủy sản <i>Tek Bahadur Gurung và Jay Dev Bista</i>	1
Sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động sinh kế và quản lý nguồn lợi dài ven bờ ở tỉnh Khánh Hoà <i>Nguyễn Thu Huệ, Thân Thị Hiền, Phạm Thị Phương Hoa, Nguyễn Việt Vĩnh và Đào Việt Long</i>	3
Tiếp sức mạnh cho những nỗ lực và mối liên kết của người dân trong quản lý nguồn lợi thủy sản ở Inđônêxia <i>Tabitha Yulita</i>	5
Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thủy sản cộng đồng <i>Heather Airlie và Haiko Meelis</i>	7
Từ khảo sát khả năng tiếp cận thông tin đến xác định nhu cầu và đề xuất khuyến nghị về cơ chế trao đổi thông tin có hiệu quả giữa các chủ thể hữu quan <i>Elizabeth M Gonzales, Malene Felsing và Erwin L Pador</i>	9
Hội thảo Thông tin – Giáo dục – Tuyên truyền phục vụ việc thực hiện Sắc lệnh Nghề cá ở Thành phố Roxas, Philippin <i>Belinda M Garrido và Elizabeth M Gonzales</i>	11
<b>Vài nét về tạp chí STREAM</b>	13
<b>Giới thiệu về Sáng kiến STREAM</b>	14

## Lời giới thiệu

Bạn đọc hẳn còn nhớ, mở đầu tạp chí STREAM số 1(1), tháng 1-3/2002 là những cụm từ: Học hỏi, giải quyết tranh chấp, công nghệ thông tin liên lạc, quản lý nguồn lợi thủy sản, luật pháp, sinh kế (đời sống), giới, sự tham gia cộng đồng, đối tác, chính sách và trao đổi thông tin. Đây cũng là 6 chủ đề của tạp chí Tạp chí STREAM số đầu tiên, khái quát hoá những lĩnh vực tri thức mà Sáng kiến STREAM khuyến khích học hỏi và chia sẻ. Tạp chí STREAM là một ấn phẩm thể hiện các vấn đề và bối cảnh từ nhiều góc độ và quan điểm khác nhau, giúp cho những cuộc đối thoại giữa chúng ta thêm phần sinh động và bao quát. Mục đích của Tạp chí hoàn toàn không phải để phê phán, mà để cùng với các đồng nghiệp đề cao quan điểm phê bình tích cực và xây dựng.

Những chủ đề nói trên sẽ được một lần nữa nhắc lại trong phần giới thiệu về tạp chí STREAM (trang 13), và đặc biệt số tạp chí 2(3) này cũng thể hiện rõ nét sườn nội dung đó. Bạn đọc có thể tự mình khám phá nhiều điều thú vị trong những bài viết của 16 tác giả từ 5 quốc gia về nghề nuôi cá lồng, sử dụng phao đánh dấu, ngư cụ truyền thống, Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS), nhắn tin di động và phần mềm trình chiếu PowerPoint. Như đã đề cập ở trên, thiết nghĩ độc giả có thể dành thêm chút thời gian tìm hiểu thêm về cách thức mà tạp chí STREAM sử dụng để trình bày vấn đề, khuyến khích học hỏi và trao đổi, giới thiệu những quan điểm nhiều chiều, tổng hợp thông tin về hoạt động và thực hiện ý tưởng của sáng kiến. Bởi vậy, rất mong các độc giả và đồng nghiệp cùng tham gia đóng góp những nỗ lực vào việc giám sát và đánh giá quá trình hoạt động của chúng tôi, bên cạnh phương pháp đánh giá “biến đổi quan trọng” đã giới thiệu, bằng việc gửi cho chúng tôi những ý kiến phản hồi về Tạp chí STREAM và bất cứ hoạt động nào do STREAM tiến hành.

Chúc độc giả tìm thấy những thông tin bổ ích!

Graham Haylor, Giám đốc Sáng kiến STREAM, và  
William Savage, Biên tập viên Tạp chí STREAM

## Nhóm du mục Pode (Pokhara, Nê-pan) cải thiện kinh tế bằng nghề nuôi thủy sản

Tek Bahadur Gurung và Jay Dev Bista

### Lịch sử cộng đồng

Câu chuyện bắt đầu từ 300 hộ gia đình nhóm cư dân Pode (còn gọi là Jalari) sinh sống ở thung lũng Pokhara (Nê-pan). Ngôn ngữ mẹ đẻ của người Pode gần giống tiếng Newari - một ngôn ngữ bộ tộc thiểu số chủ yếu ở Kathmandu, bởi vậy mọi người thường tin rằng tổ tiên của họ di cư từ thung lũng Kathmandu đến đây. Một chuyện khác mà ai cũng biết là vào đầu những năm 60 của thế kỷ trước, những người Pode đã dần dần mất hết đất canh tác mà cha ông họ để lại, và cũng từ đó, nghề nông và thu nhập từ nông sản cũng lần lượt ra đi. Các gia đình phải lang thang sống một cuộc đời du mục, phiêu bạt trên sông hồ, đắm lầy để sinh sống bằng nghề chài lưới. Chẳng biết nghề đánh cá trở thành nghề chính của họ từ bao giờ. Ở Nê-pan, những người nghèo bị mất tư liệu sản xuất thường vào các khu rừng hay thủy vực tự nhiên để hái lượm, săn bắn, vì những nguồn tài nguyên này trước đây không thuộc sở hữu của bất cứ ai. Mãi đến gần đây, hầu hết các khu rừng mới được các cộng đồng địa phương đứng ra quản lý, bảo tồn và khai thác vì lợi ích lâu dài. Tuy nhiên, các mặt nước tự nhiên vẫn đang trong tình trạng vô chủ. Thế là những người Pode vùng Pokhara dựng lên những cái lều tạm bợ gần sông hồ để tiện lợi cho việc khai thác cá kiếm ăn.



Ảnh: Một cuộc họp tháng của những phụ nữ đã có gia đình

### Nuôi cá lồng trên hồ chứa

Đầu những năm 70, có lẽ do khai thác quá mức mà sản lượng cá đánh bắt bị giảm sút mạnh trên các hồ Phewa (rộng 523 ha), Begnas (328 ha) và Rupa (135 ha). Nguồn thu nhập truyền thống chủ yếu của người dân đứng trước mối đe dọa nguy hiểm. Đúng lúc đó, Trung tâm Phát triển Thủy sản (nay được đổi tên thành Trạm Nghiên cứu Thủy sản), vốn được xây dựng từ năm 1962 bên bờ hồ Phewa, quyết định triển khai chương trình giúp ổn định lại đời sống những người dân bị mất đất canh tác bằng cách phát triển nghề nuôi cá lồng quy mô nhỏ. Trong những thủy vực có nguồn thức ăn tự nhiên phong phú, những lồng cá có kích thước rộng bằng cả căn phòng (5 m x 5 m x 2 m, tổng thể tích 50 mét khối) được thả xuống. Cá giống được thả vào lồng và chỉ ăn những loài sinh vật phù du sẵn có ở hồ. Chỉ sau một năm, những con cá mè hoa (*Aristichthys nobilis*) và mè trắng (*Hypophthalmichthys molitrix*) đã đạt tới cỡ thương phẩm, nặng khoảng 1 kg mỗi con. Một lồng cá có thể cho đến 2 đến 3 tạ cá mỗi năm, tùy thuộc vào điều kiện dinh dưỡng của hồ.

Đến giai đoạn 1975-1980, nghề nuôi lồng ở đây được FAO<sup>1</sup> và UNDP<sup>2</sup> giúp đỡ, bằng cách cung cấp cho người dân vật liệu làm lồng và phổ biến kỹ thuật nuôi. Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp cho các hộ nuôi vay tiền đóng lồng (khoảng 5000 ru-pi/chiếc). Nhưng do những người vay vốn đều rất nghèo và không có đất canh tác, nên giấy chứng nhận sản lượng cá dự tính theo kỹ thuật của Trung tâm Phát triển Thủy sản được coi là hình thức “tín chấp” cho các khoản vay. Hội Nuôi cá của cộng đồng cũng được thành lập để làm đầu mối tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Cho tới nay, hầu hết các khoản vay đã được hoàn trả 100% nhờ tiền lãi từ nuôi cá lồng.

### Nghề phụ: nuôi thủy sản không gây tác hại đến môi trường, và những thay đổi đối với cộng đồng

Đầu tiên nuôi cá lồng chỉ là nghề phụ, nhưng sau khi các hộ dân làm thêm lồng, thì nhu cầu cá giống tăng đột biến. Lượng cá giống sẵn có không đủ cung cấp cho các hộ nuôi. Đứng trước tình hình đó, với sự giúp đỡ của JICA<sup>3</sup>,

<sup>1</sup> Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc

<sup>2</sup> Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc

<sup>3</sup> Cơ quan Phát triển Quốc tế Nhật Bản

một khu sản xuất giống đã được Trạm Nghiên cứu Thủy sản Pokhara xây dựng bên hồ Begnas. Hiện nay ở đây đã có tổng cộng 16 lồng, hàng năm sản xuất từ 3 đến 4 tấn cá thương phẩm, cho thu nhập ổn định. Hầu hết các hộ gia đình nuôi cá lồng đều đã mua được đất đai, nhà cửa, có đồng ra đồng vào.

Thông thường, cá sông hoặc cá hồ thường được người tiêu dùng ưa thích hơn so với các loài cá khác, vì chúng chỉ sống bằng nguồn phù du sinh vật trong tự nhiên. Bởi vậy, trong tương lai cá lồng ở đây cũng sẽ vẫn bán được với giá cao. Ngoài ra, cá nuôi trong lồng còn ăn cả các loại phù du chứa phốt-pho và ni-tơ, nên sẽ giúp loại bỏ những chất dinh dưỡng không có lợi cho thủy vực. Nuôi cá lồng quy mô nhỏ rõ ràng là một giải pháp nuôi thủy sản phù hợp với môi trường.

Nếu như trước đây họa hoàn lắm mới tìm thấy một người biết chữ, thì nay phần lớn con em các hộ gia đình người Pode được đến trường, và thậm chí có 3 sinh viên đang theo học đại học. Nhiều hộ đã sắm được ti-vi, bếp ga, làm được nhà vệ sinh đúng quy cách, và một số còn có cả xe máy. Vài hộ đã tiến tới cuộc sống khá giả. Nhiều bà mẹ bắt đầu lo đến việc gửi con đi học ở trường nội trú.



Ảnh: Những phụ nữ bán cá nuôi lồng

### **Bài học thu được và kết luận sơ bộ**

Nghề nuôi cá lồng thực sự đã giúp cải thiện đời sống của những người dân nghèo đói, thiếu đất đai, thiếu tư liệu sản xuất xung quanh các khu hồ Phewa, Begnas và Rupa. Mặc dù nuôi cá không phải là nghề truyền thống, nhưng thực tế cho thấy các hộ nuôi có thể đạt được thành công mà không cần phải sử dụng những kỹ thuật chuyên môn phức tạp. Điều quan trọng là cộng đồng ở đây đã được tiếp cận và khai thác các thủy vực tự nhiên thuộc sở hữu chung và áp dụng kinh nghiệm sơ chế cá truyền thống. Cùng với nghề mới này, sức mạnh tập thể được phát huy thành một “điểm khởi đầu” đầy hấp dẫn cho việc nâng cao đời sống kinh tế không chỉ đối với những người Pode mà cả đối với các cộng đồng khác.

### **Cộng đồng với việc bảo tồn hồ chứa và các loài cá bản địa**

Gần đây, những người Pode nuôi cá lồng đã nhận ra rằng sẽ rất thiếu sáng suốt nếu chỉ khai thác nguồn lợi tự nhiên mà không đi đôi với bảo tồn. Họ liền tự động vớt bèo cái ra để làm sạch các hồ nước, và cùng nhau xây dựng những quy ước chung về bảo tồn đa dạng sinh học cho các khu hồ bằng phương pháp tham gia cộng đồng. Họ cũng nộp thuế lợi tức cho chính quyền địa phương sau mỗi vụ thu hoạch.

Trên các thủy vực ở thung lũng Pokhara, có tổng cộng khoảng 25 loài cá. Có những loài như Mahseer (tên khoa học là *Tor putitora* và *Tor tor*) rất khó bảo vệ do có đặc điểm sinh sản riêng để bị khai thác. Vào mùa mưa, chúng thường di trú đến các khu vực đầu nguồn, nước nông, lòng đáy sỏi để đẻ trứng và người dân thường đến đó bắt về. Cộng đồng người Pode đã bắt đầu lập các đội tuần tra trên những con suối đầu nguồn đổ vào hồ Phewa để bảo vệ cá trong mùa sinh sản của chúng.

*Tek Bahadur Gurung là Trạm trưởng và Jay Dev Bista là Chuyên viên Khoa học của Trạm Nghiên cứu Thủy sản Pokhara, Nê-pan. Địa chỉ thư điện tử của các tác giả: <fishres@fewanet.com.np>.*

## Sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động sinh kế và quản lý nguồn lợi dải ven bờ ở tỉnh Khánh Hoà

*Nguyễn Thu Huệ, Thân Thị Hiền, Phạm Thị Phương Hoa, Nguyễn Việt Vĩnh và Đào Việt Long*

### Các dự án IMA với sự tham gia của phụ nữ

Liên minh Sinh vật biển Quốc tế (IMA) Việt Nam đang thực hiện một dự án 3 năm<sup>4</sup> về quản lý nguồn lợi dải ven bờ dựa vào cộng đồng, với sự hỗ trợ của khu bảo tồn biển do địa phương quản lý tại huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà. Mục tiêu của dự án là giúp cho người dân địa phương quản lý tốt hơn nguồn lợi ven bờ và cải thiện đời sống kinh tế - xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp khai thác và nuôi trồng thủy sản bền vững.

IMA đặc biệt quan tâm đến sự tham gia của phụ nữ, vì phụ nữ có một vai trò rất quan trọng cả trong nghề khai thác cá ở địa phương cũng như trong những nỗ lực bảo tồn nguồn lợi dải ven bờ, trong khi đó có nhiều vấn đề gây cản trở cho sự tham gia có hiệu quả của họ vào các công việc đó. Chính vì vậy, công tác giới là một vấn đề chung được IMA lồng ghép vào các hoạt động dự án của mình nhằm tăng cường bình đẳng giới và phát huy vai trò cũng như năng lực tham gia của phụ nữ trong quản lý nguồn lợi dải ven bờ.

Kể từ tháng 7/2002, IMA Việt Nam đã bắt đầu thực hiện hợp phần “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động sinh kế và quản lý nguồn lợi dải ven bờ ở tỉnh Khánh Hoà”. Mục tiêu của hợp phần dự án này là nâng cao nhận thức về giới và tăng cường năng lực cho phụ nữ trong lĩnh vực quản lý nguồn lợi dải ven bờ. Với việc đặt phụ nữ vào nhóm “hưởng lợi” chính, các hoạt động chủ yếu của hợp phần này bao gồm:

1. Tổ chức tập huấn về giới cho các nhóm mục tiêu (cán bộ xã và người dân địa phương)
2. Mở diễn đàn trao đổi về các giải pháp sinh kế, và
3. Hỗ trợ các sáng kiến về cải thiện sinh kế lựa chọn dành cho phụ nữ thông qua các quỹ tín dụng nhỏ.

Hợp phần được địa phương thực hiện (thông qua Ban Quản lý Dự án Địa phương và Hội Phụ nữ) với sự giúp đỡ của IMA. Phương pháp tham gia cộng đồng được khuyến khích áp dụng trong tất cả các hoạt động của dự án, nhằm đảm bảo hiệu quả công việc ngay từ cấp cơ sở. Công việc cũng được tiến hành với sự hợp tác tích cực của đội ngũ chuyên gia để các khoá tập huấn đạt chất lượng cao. Các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương cũng phát huy vai trò tích cực trong việc phổ biến rộng rãi kiến thức về các vấn đề giới, đặc biệt là vai trò của phụ nữ trong quản lý nguồn lợi ven bờ.

### Các khoá tập huấn về giới

Tháng 10 năm 2002, 2 khoá tập huấn trong khuôn khổ hợp phần dự án đã được tổ chức cho các cán bộ và người dân xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh. 60 học viên đã được học các khái niệm cơ bản về giới, sử dụng phương pháp phân tích giới và lồng ghép giới vào các hoạt động của dự án. Nhận thức về giới nhờ vậy đã được nâng lên. Thêm vào đó, nam giới đã thay đổi thái độ về vai trò của phụ nữ trong các hoạt động kinh tế hộ và phát triển cộng đồng, kể cả quản lý nguồn lợi dải ven bờ. Điều này có thể nhận thấy qua phần thảo luận cuối cùng và phiếu đánh giá khoá tập huấn – trong đó hầu hết nam giới đều khẳng định họ đã thay đổi thái độ. Bên cạnh đó, năng lực của chị em phụ nữ



*Ảnh: Nam giới được khuyến khích chia sẻ quan điểm về vai trò giới*

<sup>4</sup> Xem báo cáo tiến độ của dự án tại trang web: <http://www.imavietnam.org>

cũng được tăng cường, điều này được minh chứng bằng việc họ đã tự tin hơn khi bày tỏ những ý kiến về các giải pháp sinh kế và thể hiện khả năng của mình trong các hoạt động quản lý nguồn lợi dải ven bờ.

### Diễn đàn về các giải pháp sinh kế

Tiếp theo các khoá tập huấn về giới, một diễn đàn đã được mở ra cho phụ nữ nghèo để họ đối thoại và đề xuất những sáng kiến về sinh kế thay thế. Một nhóm chuyên gia gồm các đại diện của Trung tâm Khuyến ngư tỉnh Khánh Hoà, cán bộ IMA Việt Nam và Ban Quản lý Dự án Địa phương làm nhiệm vụ dẫn chương trình cho diễn đàn này. Diễn đàn đã được tổ chức thành công, với 60 người tham dự. Các chuyên gia về sinh kế đã cung cấp cho các đại biểu những thông tin về các giải pháp phù hợp với địa phương của họ. Diễn đàn cũng thu hút sự chú ý tham gia của các cán bộ và ngư dân từ Khu Bảo tồn Biển Hòn Mun tới học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm<sup>5</sup>. Các đại biểu tham dự diễn đàn đã cùng thảo luận những hướng đi và lựa chọn giải pháp phù hợp nhất để làm thí điểm. Giải pháp sinh kế thân thiện với môi trường, trong đó bao gồm nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ (rong câu, vẹm vỏ xanh) và các phương thức khác đã được chị em phụ nữ đề xuất và thảo luận. Kết thúc diễn đàn, các đại biểu đã đạt được sự nhất trí cao. Những giải pháp được lựa chọn sẽ giúp tạo thu nhập cho phụ nữ, góp phần cải tiến công tác quản lý nguồn lợi dải ven bờ thông qua các hoạt động sinh kế đi đôi với việc đề cao vai trò của phụ nữ trong cộng đồng.



Ảnh: Các đại biểu nghe giới thiệu về các khái niệm về “sinh kế thân thiện với môi trường”



Ảnh: Chị em phụ nữ đề xuất và thảo luận các giải pháp về sinh kế cho chính bản thân họ

### Các sáng kiến sinh kế thông qua quỹ tín dụng nhỏ

31 phụ nữ đang được IMA cùng với các chuyên gia nuôi trồng thủy sản hỗ trợ kỹ thuật. Những giải pháp được họ lựa chọn bao gồm các hình thức nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường, đã giúp cải thiện chất lượng nước và tạo môi trường sống tốt hơn cho các loài sinh vật biển ở địa phương (trong đó có rong câu và vẹm vỏ xanh). Trong quá trình thực hiện, phụ nữ được tham gia trực tiếp vào việc chuẩn bị các phương tiện (như phao đánh dấu, lồng lưới), chăm sóc và chế biến sau thu hoạch, trong khi nam giới hỗ trợ kiểm tra giám sát các công đoạn. Họ cũng bán sản phẩm do mình làm ra cho các du khách ở Khu Bảo tồn Biển Rạn Trào. Người dân hy vọng rằng họ sẽ thu được lãi chỉ trong vòng 6 tháng, vì thực ra vốn đầu tư không lớn, kỹ thuật lại sẵn có và không tốn kém. Thông qua các sáng kiến về sinh kế, năng lực và vai trò quản lý nguồn lợi dải ven bờ của chị em phụ nữ đã nâng lên đáng kể.

Nguyễn Thu Huệ (Điều phối viên Quốc gia), Thân Thị Hiền (Chuyên gia giới), Phạm Thị Phương Hoa (Cán bộ Thông tin), Nguyễn Việt Vinh (Cố vấn Kỹ thuật Thủy sản) và Đào Việt Long (Cán bộ Phát triển Cộng đồng) hiện đang công tác tại IMA Việt Nam. Địa chỉ thư điện tử của các tác giả: <ima-vietnam@netnam.vn>.

<sup>5</sup> Xem bài đăng trên Tạp chí STREAM số 1(4) về dự án của IMA

## Tiếp sức mạnh cho những nỗ lực và mối liên kết của người dân trong quản lý nguồn lợi thủy sản ở Indônêxia

Tabitha Yulita

### Điều kiện sống, tài sản chung, sự tham gia của cộng đồng và vấn đề tranh chấp

Trong thời gian gần đây, vấn đề *điều kiện sống* đang ngày càng thu hút sự chú ý của đông đảo các tầng lớp nhân dân ở Indônêxia. Nhiều người nhận thấy nguồn tài nguyên thiên nhiên của họ đang bị khai thác một cách không phù hợp và không bền vững. Cơ chế tự quản ở địa phương tỏ ra bất lực trước việc nắm bắt và đáp ứng những đòi hỏi về quyền chiếm hữu những tài sản chung của cộng đồng được lưu truyền từ đời này qua đời khác như mặt nước biển, bờ biển, không phận, ruộng đất và rừng. Ở Indônêxia, những nguồn lợi tự nhiên này không thuộc sở hữu của bất cứ ai, bởi vậy chúng có thể được sử dụng vì lợi ích tập thể của người dân. Bởi vậy, một yêu cầu đặt ra là các chính sách và quy định về việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên này cần được ban hành dựa trên việc trung cầu ý kiến rộng rãi của người dân các cộng đồng có quyền lợi gắn liền với chúng. Nếu không có những chính sách và quy định đó, việc sử dụng những nguồn lợi thuộc sở hữu chung cộng đồng chắc chắn sẽ gây ra tranh chấp. Ở hai làng Batahan và Jaring Halus trên bờ biển phía đông và phía tây của đảo Bắc Sumatra, những tranh chấp như vậy đã xảy ra giữa các ngư dân sử dụng các ngư cụ đánh bắt nhỏ lẻ truyền thống với các chủ phương tiện đánh bắt hiện đại, cũng đơn giản chỉ vì không có các văn bản quy phạm pháp luật về việc bảo vệ các phương thức khai thác cổ truyền đối với nguồn lợi biển và ven bờ.

Trước những vấn đề liên quan đến hoàn cảnh sống của người dân và cộng đồng, những câu hỏi sau đây đã được đặt ra:

- Những mối tương tác xã hội có thể giúp nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lợi ven bờ thuộc sở hữu cộng đồng như thế nào?
- Cơ chế nào bảo đảm cho các tập quán và giá trị truyền thống của địa phương luôn được tôn trọng khi diễn ra các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn lợi ven bờ?
- Các phương thức truyền thống trong khai thác và quản lý nguồn lợi ven bờ có thể được giới thiệu rộng rãi trong dân chúng như thế nào?
- Bằng cách nào các cộng đồng ở địa phương có thể khai thác, sử dụng nguồn lợi tự nhiên, và bằng cách nào họ có thể thích ứng với những thay đổi và đòi hỏi của công cuộc hiện đại hoá?

### Quy tắc và niềm tin

Có nhiều cách thức xây dựng các quy tắc về quản lý sử dụng nguồn lợi tự nhiên. Con đường chính thống là chính quyền nhà nước hoặc địa phương nghiên cứu và ban hành các quy tắc đó – cách này thường áp dụng đối với các loại nguồn lợi như rừng ngập mặn (*bakau*) hoặc vùng nước xung quanh quần đảo. Con đường phi chính thống có thể là các cộng đồng tự xây dựng quy ước sử dụng vùng biển và các nguồn lợi ven bờ, chẳng hạn cấm khai thác các rạn san hô đã chết với khối lượng lớn cho các công trình xây dựng mà chỉ được khai thác phục vụ nhu cầu cá nhân, vì thực tế là nếu khai thác quá mức sẽ gây tác động xấu đến rừng ngập mặn. Những bằng chứng của hiện tượng vi phạm các quy định ở địa phương về bảo vệ các rạn san hô sẽ được người dân gửi đến lãnh đạo cộng đồng. Trong trường hợp đó, việc thực thi quy ước sẽ do chính người dân đảm bảo dựa trên nhận thức chung của cộng đồng về những lợi ích, tính năng của nguồn lợi này. Hiệu lực của quy ước sẽ phụ thuộc vào một giả định rằng người dân sẽ tự nguyện tuân thủ nó.

### Nguồn lợi, quá trình hiện đại hoá và các tập quán truyền thống

Cá, cua, tôm, rừng ngập mặn và san hô là những ví dụ về nguồn lợi biển và ven bờ nằm trong đối tượng khai thác của ngư dân. Sự xuất hiện của những “người ngoài cộng đồng” cũng kéo theo sự xuất hiện của các phương thức huỷ diệt như dùng *pukat harimau* (tàu lưới kéo), *lamparan dasar* (tàu lưới kéo cỡ nhỏ), *pukat langgei* (lưới mắt nhỏ), chất nổ để đánh cá, và vì thế đang hàng ngày hàng giờ phá hoại hệ sinh thái dưới lòng biển và trên bờ. Hậu quả là các rạn san hô đang dần dần mất đi và cùng với nó, nguồn lợi cá đang ngày một suy kiệt. Áo tưởng rằng quá trình hiện đại hoá sẽ đem lại cơ hội cải thiện điều kiện phúc lợi cho người dân đã không thể biến thành hiện thực.

Việc phát triển và phổ biến các kỹ thuật mới cũng gây tác động đến các giá trị và tập quán truyền thống của người dân vùng duyên hải (đặc biệt là các hộ ngư dân có nghề khai thác từ lâu đời), thay đổi cơ cấu xã hội vốn phụ thuộc phần nhiều vào nguồn lợi tự nhiên có sẵn. Nếu như trước đây việc khai thác các nguồn lợi ven bờ được điều chỉnh bằng các quy tắc bất thành văn giữa người dân địa phương với nhau, thì nay cũng đang thay đổi theo tiến trình hiện đại hoá và các kỹ thuật tân tiến, như chuyển sang sử dụng các tàu thuyền được lắp đặt máy móc và động cơ.

### Thay đổi và thích nghi

Do những thay đổi đó, các phương pháp quản lý nguồn lợi ven bờ truyền thống đã và đang bị đe dọa bởi quyền lực kinh tế và chính trị của những thế lực đến từ bên ngoài. Hậu quả mà cộng đồng bản địa có thể nhận thấy được là cùng với sự suy thoái của kinh tế địa phương, người dân không còn tu chí làm ăn như trước và niềm tin “truyền thống là chân lý” đang dần dần mất đi.

Để khắc phục tình trạng này, người dân đang tìm những bước đi để thay đổi và thích nghi với thời cuộc:

- Có thể nuôi cá bằng nhiều cách, như *keramba* (lồng nổi), *tambun* hoặc *rumpon* (chà cá).
- Các tổ chức ngư dân đang từng bước được thành lập và củng cố
- Đa dạng hoá phương tiện đánh bắt và cố gắng hạn chế khối lượng khai thác ở địa bàn mình hoạt động
- Cố gắng giải quyết các tranh chấp về nguồn lợi ven bờ giữa người dân địa phương với người ngư cư (VD: gửi kiến nghị lên chính quyền, soạn thảo quy ước cộng đồng, tổ chức thảo luận, tuần tra canh gác trên biển).
- Cố gắng tìm hiểu những quan điểm của ngư dân đánh bắt theo kiểu truyền thống đối với giới doanh nhân và chính quyền, xây dựng lòng tin
- Ngoài ra, còn có một số chiến lược hoạt động cho nội bộ cộng đồng, tập trung vào trao đổi thông tin và chia sẻ quyền lực để bình ổn hoá điều kiện sống và đáp ứng nguyện vọng của ngư dân khai thác theo phương thức truyền thống.

Những nỗ lực và các mối liên kết được trình bày trong bài viết này có thể coi là bộ phận của một sáng kiến mà chúng tôi gọi là “tăng cường nguồn lực xã hội”. Chúng sẽ đóng góp vào việc xây dựng một mô hình *quản lý nguồn lợi ven bờ dựa vào tập quán*, vừa tương thích với các hệ thống sản xuất truyền thống, vừa có khả năng đối chọi lại những thách thức nảy sinh trong quá trình hiện đại hoá. Sáng kiến này có thành công được hay không, điều đó còn tùy thuộc vào việc các nhóm cư dân hữu quan coi trọng việc xây dựng lòng tin đối với nhau đến mức nào.

*Tabitha Yulita là Trợ lý Chương trình SPARK tại Bali, Indônêxia. Địa chỉ thư điện tử: <spark@vsoint.org>.*

Bài viết này được tổng hợp từ công trình nghiên cứu về *quá trình thích nghi hoá nguồn lực xã hội trong quản lý nguồn lợi ven bờ dựa vào cộng đồng trong bối cảnh hiện đại hoá ở Medan, Bắc Sumatra năm 2002* do tổ chức phi chính phủ Indônêxia P3MN (*Pusat Pengkajian Dan Pengembangan Masyarakat Nelayan* – Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cộng đồng Ngư dân) thực hiện. Địa điểm nghiên cứu là các làng Batahan ở huyện Bahatan trên bờ biển phía tây và làng Jaring Halus huyện Secanggang trên bờ biển phía đông đảo Bắc Sumatra, Indônêxia.



# Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thủy sản cộng đồng

Heather Airlie và Haiko Meelis

## Một dự án thí điểm

Với việc thu thập và quản lý thông tin về thủy sản cộng đồng, Phòng Phát triển Nghề cá Cộng đồng<sup>6</sup> Campuchia hy vọng có thể hiểu được rõ hơn những vấn đề xung quanh việc khai thác, sử dụng bền vững các nguồn lợi tự nhiên hướng tới cuộc sống ổn định tối thiểu của các cộng đồng dân nghèo. Mới đây, một dự án thí điểm đã được CFDO triển khai với sự giúp đỡ của FLD<sup>7</sup>, VSO<sup>8</sup> và Sáng kiến STREAM tại 12 làng trên địa bàn 3 tỉnh Kampong Chhnang, Kandal và Kratie. Dự án này đã giúp CFDO khảo sát những cơ chế thu thập và chia sẻ dữ liệu và xây dựng một cơ sở dữ liệu mẫu cho việc giám sát và đánh giá các hoạt động thủy sản cộng đồng. Thực ra, dự án này chú ý đến các công đoạn thực hiện nhiều hơn là các dữ liệu sẽ thu thập. Chính vì vậy, một quy trình đã được xây dựng để theo dõi và lưu trữ thông tin về các diễn biến và địa điểm tương ứng của thủy sản cộng đồng, giám sát các hoạt động và tranh chấp liên quan đến cơ chế đồng quản lý, đánh giá tiến triển của nghề cá vào những thời điểm kiểm tra nhất định, và cập nhật thường kỳ cơ sở dữ liệu. Kết quả của dự án này được trình bày trong báo cáo "Supporting the Planning of a Community Fisheries Monitoring and Evaluation Database" (Hỗ trợ việc thiết lập cơ sở dữ liệu giám sát và đánh giá thủy sản cộng đồng), mà bạn đọc có thể tìm thấy trên trang web của Sáng kiến STREAM

## Những cơ hội và thách thức đối với việc tiếp cận nguồn lợi thủy sản

Việc quản lý nghề khai thác cá nước ngọt có ý nghĩa rất quan trọng đối với an ninh lương thực thực phẩm, tạo thu nhập và sinh kế bền vững cho người dân Cam-pu-chia, bởi lẽ nó giúp cung cấp đủ cá cho cuộc sống hàng ngày của ngư dân nghèo – những người bằng cách này hay cách khác sống phụ thuộc vào nguồn lợi thủy sản trên sông hồ và các khu rừng ngập nước. Những vấn đề chủ yếu đối với các cộng đồng nghèo tham gia khai thác nguồn lợi thủy sản ở Cam-pu-chia xoay quanh quyền chiếm hữu và sử dụng các ngư trường, và quanh việc trao đổi thông tin giữa dân nghèo với các cơ quan, tổ chức phát triển.

Cùng với việc xoá bỏ các lô khai thác cá vì mục đích thương mại, những nhóm dân nghèo khai thác nguồn lợi thủy sản có cơ hội nắm lấy quyền kiểm soát những nguồn lợi quan trọng với đời sống của họ. Tuy nhiên, nhiều người dân nghèo vẫn chưa tận dụng được những cơ hội đó, do không có đủ đại diện của các thành phần dân cư tham gia đồng quản lý.

## Giám sát và đánh giá phục vụ đồng quản lý

Đồng quản lý có thể được xem như một quá trình ra quyết định có sự tham gia của cộng đồng thông qua đại diện của các tầng lớp dân cư, các cơ quan nhà nước và các tổ chức hỗ trợ khác. Trong lĩnh vực thủy sản cộng đồng, người dân đã được trao quyền xây dựng các quy chế đồng quản lý. Nếu các cộng đồng địa phương thực hiện tốt vai trò tích cực của mình trong những nỗ lực quản lý có hiệu quả, thì đó sẽ là cơ sở vững chắc để đảm bảo tính bền vững của mô hình quản lý dựa vào cộng đồng, đồng thời phát huy được ưu thế của những phương hướng tiếp cận cho công tác phát triển lấy người dân làm trung tâm.

Ở Cam-pu-chia, công tác quản lý thủy sản cộng đồng của CFDO nhằm vào việc cải thiện sinh kế của dân nghèo sống ở các vùng nông thôn. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của CFDO là làm tốt chức năng của mình với vị trí một đối tác giúp các địa phương quản lý sử dụng có hiệu quả, lâu dài và công bằng đối với nguồn lợi thủy sản. Càng hiểu rõ những nhân tố tác động đến thủy sản cộng đồng, thì năng lực của CFDO chắc chắn sẽ được nâng cao, giúp người dân thực hiện quản lý nghề cá tập thể, đồng thời điều phối được đội ngũ cán bộ cấp tỉnh có liên quan đến thủy sản cộng đồng.

## Thu thập thông tin ban đầu bằng phương pháp tham gia cộng đồng



Ảnh: Đồng quản lý nguồn lợi thủy sản mở ra cơ hội cho thế hệ mai sau

<sup>6</sup> Nguyên văn: CFDO - *Community Fisheries Development Office* - Phòng Phát triển Thủy sản Cộng đồng trực thuộc Cục Nghề cá Vương quốc Campuchia

<sup>7</sup> *Farmer Livelihood Development* – Phát triển Sinh kế Nông dân, tên một tổ chức phi chính phủ ở Campuchia mà tiền thân là SCALE.

<sup>8</sup> *Voluntary Service Overseas* - Tổ chức Phục vụ Tình nguyện Hải ngoại

Dự án thí điểm này nhằm mục đích khảo sát cách thức thu thập thông tin nói chung, chứ nó không thu thập những thông tin nhất định nào đó. Tuy nhiên, trong khi thực hiện, phương pháp tiến hành dự án cũng cung cấp những thông tin cơ bản ban đầu để giám sát và đánh giá mô hình đồng quản lý thủy sản ở 3 tỉnh. Phòng vấn nhóm theo trọng tâm đối với uỷ ban xã và trưởng thôn đã giúp xác định được những thông tin định lượng, trong khi phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (PRA) thông qua thảo luận chung với toàn thể dân làng giúp thu được những số liệu định lượng.

Dự án đã xác định và lưu trữ thông tin về các hoạt động thủy sản cộng đồng nhờ kết hợp sử dụng tri thức bản địa và hệ thống định vị toàn cầu (GPS). Chi tiết về những tranh chấp liên quan đến đồng quản lý và các biện pháp giải quyết những tranh chấp đó đã được tổng hợp lại. Đường lối phát triển và thực hiện nghề cá cộng đồng được quyết định sau khi theo dõi các cuộc bầu cử ở địa phương, cơ chế hành chính, mức độ thành công, hiểu biết của người dân về khái niệm “thủy sản cộng đồng”, việc thực thi các văn bản dưới luật, hoạt động của các khu cấm khai thác cá, thành lập các tổ tuần tra và những tài liệu ghi chép có liên quan.

Một cơ sở dữ liệu đơn giản đã được xây dựng để lưu giữ, cập nhật và xử lý số liệu bằng máy tính, và nhờ đó dễ dàng soạn các báo cáo cần thiết. Sau khi được hoàn thiện thêm, cơ sở dữ liệu này giúp phân tích và sắp xếp thông tin một cách khoa học dưới những hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng sử dụng khác nhau.



Ảnh: Các cộng đồng bắt đầu tự tìm cách giúp mình vượt khó khăn

### Tiến tới việc cải thiện đời sống dân nghèo với sự giúp đỡ của hệ thống giám sát và đánh giá

Hiện nay, khi mà dự án thí điểm đã kết thúc, CFDO đang cố gắng duy trì các kết quả đạt được trong nghiên cứu hệ thống giám sát và đánh giá. Chi cục Nghề cá các tỉnh được cung cấp những dữ liệu cần thiết<sup>9</sup>, và những dữ liệu này sẽ được đưa vào một bộ cơ sở dữ liệu đã đơn giản hoá do dự án thí điểm trên xây dựng (xem mẫu tại trang web <http://www.maff.gov.kh/cfdo.html>). Mặc dù chưa phải là hoàn hảo, nhưng những thành quả đạt được đã mang đến cho các cán bộ, nhân viên CFDO những kinh nghiệm quý báu về hệ thống giám sát và đánh giá. Cho tới nay, việc thu thập dữ liệu theo những tiêu thức dành riêng cho thủy sản cộng đồng và xây dựng năng lực đã trở nên khá dễ dàng. Chắc hẳn nếu làm tương tự với lĩnh vực quản lý nguồn lợi bền vững thì thành công thu được sẽ còn thuyết phục hơn nữa, vì các dữ liệu trong lĩnh vực này sẽ có ý nghĩa ở một quy mô lớn hơn nhiều.

Dự án “Xây dựng năng lực cho phát triển bền vững ở khu vực hồ Tonle Sap” (cũng là một phần của dự án *Quản lý Môi trường vùng hồ Tonle Sap* của ADB<sup>10</sup>) do UNDP<sup>11</sup> tài trợ hiện đang trả lương kiêm nhiệm cho 2 cán bộ của Ban Giám sát và Đánh giá thuộc CFDO, cũng như cho một số cán bộ cấp tỉnh, để những người này đi thu các số liệu về hồ Tonle Sap. Dự án còn tổ chức các lớp tập huấn sử dụng trang thiết bị định vị toàn cầu và phần mềm GIS<sup>12</sup>. Ngoài ra, trong giai đoạn 2 của dự án ADB nói trên (sẽ bắt đầu vào năm 2004), một phần ngân sách dự án sẽ được phân bổ cho các hoạt động giám sát và đánh giá. Tuy nhiên, các hoạt động này sẽ không vượt ra khỏi phạm vi vùng biển hồ Tonle Sap, trong khi đó chức năng nhiệm vụ của CFDO lại bao trùm tất cả các địa phương trên toàn quốc. Bên cạnh đó, CFDO cũng đang cần xác định rõ nhu cầu về thông tin của các nhóm đối tượng khác nhau từ cấp cơ sở, tỉnh, quốc gia đến cấp quốc tế.

Trong thời kỳ sơ khai này của thủy sản cộng đồng, tồn tại nhiều khác biệt lớn về khả năng và nhận thức giữa các cơ quan chính quyền ở cơ sở. Tuy nhiên, một số uỷ ban xã đã tự ý thức được rõ ràng hơn về vai trò của họ trong sự nghiệp phát triển trong tương lai. Với những cuộc đối thoại thường xuyên giữa chính quyền với nhân dân và việc triển khai sử dụng một bộ cơ sở dữ liệu giám sát - đánh giá phù hợp, cánh cửa đã rộng mở cho việc cải thiện sinh kế của ngư dân nghèo, thông qua tư vấn và hỗ trợ cho các khu vực đang cần sự giúp đỡ của chúng ta.

*Heather Airlie và Haiko Meelis đều là các cán bộ tình nguyện của VSO. Heather là Tổ trưởng Tổ Tư vấn Sinh kế cho FLD, địa chỉ thư điện tử <012809091@mobitel.com.kh>. Haiko Meelis là Chuyên gia Tư vấn Quản lý và Trao đổi Thông tin cho CFDO, địa chỉ thư điện tử: <info@haikomeelis.com>.*

<sup>9</sup> Riêng số liệu GPS phụ thuộc vào khả năng xử lý và trang thiết bị. Cục Nghề cá hiện cũng gặp khó khăn về tài chính.

<sup>10</sup> Ngân hàng Phát triển Châu Á

<sup>11</sup> Chương trình Phát triển của Liên Hiệp Quốc

<sup>12</sup> Hệ thống thông tin địa lý

## Từ khảo sát khả năng tiếp cận thông tin đến xác định nhu cầu và đề xuất khuyến nghị về cơ chế trao đổi thông tin có hiệu quả giữa các chủ thể hữu quan

*Elizabeth M Gonzales, Malene Felsing và Erwin L Pador*

### Khảo sát khả năng tiếp cận thông tin

Hiện nay, ở Philippin ngày càng có nhiều cơ quan nhà nước cho rằng chìa khoá để khôi phục nguồn lợi thủy sản bị suy kiệt và xoá đói giảm nghèo vùng duyên hải nằm ở việc quản lý nguồn lợi ven bờ dựa vào cộng đồng (CBCRM). Chiến lược CBCRM đòi hỏi phải có sự phối hợp hành động của tất cả các chủ thể liên quan đến việc khai thác nguồn lợi thủy sản. Chính vì vậy, một cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả đi đôi với cung cấp các nguồn lực và hỗ trợ cần thiết cho các cộng đồng ven biển cũng như các nhóm đối tượng khác có ý nghĩa rất quan trọng.

Chính vì lẽ đó, Sáng kiến STREAM<sup>13</sup> cùng với Chi cục Thủy sản Vùng VI Philippin đã quyết định tiến hành đợt khảo sát khả năng tiếp cận thông tin (KSKNTCTT) vào tháng 6 năm 2003 Mục đích của đợt khảo sát này là:

1. Điều tra trích ngang các nhóm chủ thể liên quan đến lĩnh vực thủy sản và nguồn lợi thủy sản
2. Dự kiến cách khai thác các phương tiện thông tin ở vùng VI
3. Tìm hiểu khả năng tiếp cận thông tin của các nhóm đối tượng, từ các cộng đồng cho đến các cơ quan, tổ chức trong ngành thủy sản
4. Xác định nhu cầu hiện tại và đề xuất khuyến nghị nhằm tối đa hoá hiệu quả truyền thông và tổng hợp ý kiến đóng góp của các nhóm chủ thể cho các chiến lược truyền thông.

Để chuẩn bị cho đợt khảo sát này, những nguồn cung cấp thông tin chính đã được xác định. Từ ngày 11 đến ngày 26 tháng 6 năm 2003, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn tại đảo Metro Manila, một số khu vực trên đảo Luzon, và vùng VI. Những người cung cấp tin chủ yếu bao gồm các cán bộ nhà nước, các tổ chức xã hội, cơ quan nghiên cứu và chính quyền cấp huyện. Ngoài ra, chúng tôi cũng tổ chức phỏng vấn nhóm theo trọng tâm (FGD) đối với ngư dân, lãnh đạo các thôn làng và đại diện các hiệp hội của quần chúng ở 3 huyện ven biển.

### Một số kết quả thu được

**Thông tin cơ sở:** Hỗ trợ về mặt thể chế dành cho nghề cá và phát triển nuôi trồng thủy sản chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước.

Hầu hết các cán bộ nhà nước đều có bằng cử nhân hoặc kỹ sư, và đều muốn nhận được thông tin kỹ thuật cũng như các phương tiện truyền thông viết bằng tiếng Anh. Tất cả các cán bộ này cũng nói được tiếng Filipino (tiếng phổ thông của Philippin) cũng như ngôn ngữ địa phương của họ.

Về các tổ chức quần chúng, trong phạm vi các tổ chức phi chính phủ, tuyệt đại bộ phận các nhân viên làm quản lý cũng đã qua đào tạo ít nhất là đến bậc đại học và giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh. Hầu hết các tổ chức phi chính phủ tự huy động vốn qua kênh quốc tế, và đều được nối kết với mạng internet và sử dụng thư điện tử. Thành viên của các tổ chức quần chúng là các ngư dân, phần lớn đã qua phổ cập giáo dục, đọc và viết được tiếng Filipino cũng như ngôn ngữ địa phương, mặc dù họ có ít khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Đối với các viện nghiên cứu, các tài liệu sử dụng thông thường được in bằng tiếng Anh – đây cũng là ngôn ngữ trao đổi chính trong công việc của họ.

Phần đông các cán bộ chính quyền cơ sở (LGU) cũng có bằng tốt nghiệp đại học và sử dụng tiếng Anh trôi chảy. Ở các cộng đồng ven biển, các ngư dân cũng đã hoàn thành giáo dục tiểu học. Ngoài tiếng địa phương, họ còn nói tiếng Hiligaynon, Filipino và một số cũng nói được tiếng Anh.



*Ảnh: Những người tham gia phỏng vấn nhóm đang trao đổi về thị hiếu của người dân đối với các tài liệu in ấn*

<sup>13</sup> Văn phòng STREAM Philippin được đặt tại thành phố Iloilo, Vùng VI, Philippin

**Các phương tiện truyền thông đại chúng:** Gồm phát thanh, truyền hình, báo chí, điện ảnh, tranh biếm họa, vi-đê-ô, các hình thức dân gian và truyền thống như *composos*<sup>14</sup>, sân khấu, bản tin thôn làng, tờ gấp, điện thoại di động và vi tính. Phát thanh và truyền hình là hai phương tiện phổ biến nhất. Đợt khảo sát cũng cho thấy nhân dân các làng xóm thường hỏi hoặc lấy thông tin từ các lãnh đạo cơ sở, các cán bộ nhà nước hoặc của tổ chức phi chính phủ, hoặc cũng có lúc từ cán bộ thủy sản hoặc nông nghiệp, tổ chức viên cộng đồng, các chính trị gia ở địa phương, thậm chí cả lực lượng an ninh và dân phòng nghề cá.

**Trao đổi thông tin:** Việc liên lạc với các cơ quan, tổ chức chủ yếu được thực hiện bằng con đường hành chính, đòi hỏi việc gửi các yêu cầu qua bưu điện hoặc fax, và chủ yếu sử dụng tiếng Anh. Các hình thức tiếp xúc phi chính thức đứng thứ 2, như sử dụng điện thoại cố định, điện thoại di động (kể cả tin nhắn) và fax.

**Tiếp cận thông tin:** Khuyến ngư ở các cộng đồng ven biển thường chú trọng đến việc chuyển giao công nghệ cho ngư dân hoặc các tổ chức quần chúng của ngư dân. Phương pháp khuyến ngư chủ yếu là hội thảo tập huấn, phát tờ rơi, tờ bướm (phần lớn bằng tiếng Anh) và mô hình trình diễn (đặc biệt đối với các đối tượng nuôi trồng như rong câu, rô phi, cá trê, cá măng).

### Nhu cầu và kiến nghị

Trên cơ sở những kết quả khảo sát, chúng tôi đã xác định được nhu cầu thông tin và khuyến ngư của các nhóm đối tượng truyền thông khác nhau, cũng như các khuyến nghị và trách nhiệm tương ứng. Các khuyến nghị chính bao gồm:

- Chiến lược quốc gia về khuyến ngư cần phải được xây dựng với sự tham gia rộng rãi của các cộng đồng.
- Các dịch vụ khuyến ngư cần được phối hợp, bổ trợ lẫn nhau để đảm bảo rằng tất cả những “đối tượng cơ bản” có cơ hội được hưởng chất lượng dịch vụ như nhau.
- Các thông tin khuyến ngư cần phải được chọn lọc và kiểm chứng nhằm tối ưu hóa hiệu quả truyền thông.
- Các cơ chế hiện hành nhằm thu thập ý kiến phản hồi của người dân đối với các nhà cung cấp dịch vụ khuyến ngư cần được củng cố.

### Các bài học thu được

Khảo sát tiếp cận thông tin là một hoạt động quan trọng cần được tiến hành trước khi bắt đầu triển khai bất cứ sáng kiến phát triển nào. Khảo sát tiếp cận thông tin giúp ta xác định các nhóm đối tượng liên quan, cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch chiến lược. Các hoạt động tiền khảo sát như liên hệ với đối tác có khả năng cộng tác và xác định các nguồn thông tin tiềm tàng có thể đảm bảo cho hiệu quả công việc.

Việc xác định rõ mục tiêu ngay từ đầu cuộc khảo sát có ý nghĩa quan trọng, vì nó sẽ ảnh hưởng đến việc định hướng cho các cuộc phỏng vấn hoặc thảo luận nhóm theo trọng tâm. Các câu hỏi “mở” khi tiến hành phỏng vấn sẽ rất có ích, vì điều này sẽ giúp cho những người được phỏng vấn nêu được cả những vấn đề mà phía phỏng vấn có thể bỏ qua.



Ảnh: Các đại diện cộng đồng tại cuộc phỏng vấn nhóm ở trụ sở Hội đồng Quản lý Nguồn lợi Vịnh Banate

*Elizabeth (Bebet) là Trưởng phòng Thông tin và Erwin là Trợ lý Điều phối viên Quốc gia của STREAM Philippin tại Thành phố Iloilo - có thể được liên hệ theo địa chỉ <streambfar-phil@skyinet.net>. Malene đang công tác tại miền Tây Australia, địa chỉ thư điện tử: <mfelsing@fish.wa.gov.au>.*

<sup>14</sup> Một thể loại dân ca trữ tình, ca ngợi những chiến công của cá nhân kiệt xuất hoặc dòng tộc

## Hội thảo Thông tin – Giáo dục – Tuyên truyền phục vụ việc thực hiện Sắc lệnh Nghề cá ở Thành phố Roxas, Philippin

*Belinda M Garrido và Elizabeth M Gonzales*

### Thành phố Roxas – Ngày ấy, bây giờ

Thành phố Roxas là thủ phủ của tỉnh Capiz ở vùng đông bắc đảo Panay, cách thành phố Iloilo 136 ki-lô-mét, có diện tích rất lớn dành cho nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi biển nói riêng. Nơi này đã từng là địa bàn cung cấp chính các loài hải sản như tôm, cua, hào, vẹm vỏ xanh, điệp, sò (*Placuna placenta*) và loài nhuyễn thể *Phalis orientalis*. Tuy nhiên, trong vài năm trở lại đây, diện tích ao cá mở rộng tràn lan, hoạt động đánh bắt ngày càng gia tăng trên các vùng nước nằm dưới quyền quản lý của huyện. Chính vì vậy, nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt, gây tác động xấu đến môi trường sinh thái và làm giảm sản lượng khai thác.

Nuôi trồng thủy sản và khai thác cá biển bắt đầu gây tác động qua lại lẫn nhau. Các ngư dân đánh bắt quy mô nhỏ là những người đầu tiên bị ảnh hưởng vì họ không có vốn đủ lớn để bù lại những thua lỗ. Các ngư dân làm ăn quy mô trung bình và quy mô lớn chiếm ưu thế, và một số nhóm có thể lực đã chuyển từ nuôi biển sang nuôi lồng đối với đối tượng cá mú và các loài cá có giá trị cao khác. Giải quyết sự bùng nổ của loại hình nuôi mới này thực sự là một trong những thách thức chủ yếu mà chính quyền thành phố phải đối mặt.

### Sắc luật nghề cá

Để giải quyết những vấn đề này, Chính quyền thành phố Roxas, cụ thể là Phòng Nông nghiệp Thành phố (CASO), đã xúc tiến việc soạn thảo một sắc luật về nghề cá với sự tham gia đóng góp ý kiến của ngư dân, các tổ chức nghề cá, các Hội đồng Quản lý Nghề cá và Nguồn lợi thủy sản (HĐQLNC&NLTS) ở 25 barangay<sup>15</sup> trong thành phố. Mặc dù sắc luật đã được ban hành từ tháng 12/2002, nhưng vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống. Phòng Nông nghiệp nhận thấy tầm quan trọng của việc phổ biến sắc luật này, nhưng họ thấy vẫn cần có sự hỗ trợ từ để bắt đầu triển khai. Cuối cùng, họ quyết định tổ chức tập huấn cho các cán bộ chính quyền thành phố có liên quan về việc xây dựng các tài liệu thông tin, giáo dục và tuyên truyền (TT-GD-TT)

Trước tình hình đó, Belinda Garrido - cán bộ thủy sản của Phòng Nông nghiệp - đã gửi công văn đề nghị đến văn phòng Chi cục Nghề cá và Nguồn lợi thủy sản (BFAR) Vùng VI nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ của Chi cục để tổ chức hội thảo về biên soạn tài liệu TT-GD-TT.



Ảnh: Các đại biểu tham dự hội thảo

### Diễn biến hội thảo

Mục đích của cuộc hội thảo 3 ngày này là lập kế hoạch sử dụng các công cụ in ấn và phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến sắc luật nghề cá. Tổ điều hành hội thảo gồm Jose Razon III, Phụ trách viên Trung tâm Thông tin Quản lý Nghề cá (FIMC) thuộc dự án FRMP<sup>16</sup> của Chi cục Thủy sản<sup>17</sup>; Agnes Solis, cán bộ tiểu ban TT-GD-TT của dự án FRMP<sup>18</sup>; Janice Tronco, Cán bộ Thông tin Chi cục Thủy sản Vùng VI; Erwin Pador và Bebet Gonzales thuộc văn phòng STREAM Philippin.

Trong số 23 đại biểu, có các cán bộ khuyến nông, khuyến ngư, trưởng phòng khuyến nông lâm ngư của một trường cao đẳng bách khoa quốc lập, biên tập viên một tờ báo của chính quyền, các đại biểu

<sup>15</sup> Đơn vị hành chính nhỏ nhất ở Philippin, tương đương với một làng

<sup>16</sup> Dự án Quản lý Nguồn lợi Thủy sản – một dự án 4 năm do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ, hoạt động trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo thông qua quản lý nguồn lợi dài ven bờ

<sup>17</sup> Các Trung tâm Thông tin Quản lý Nghề cá được thành lập trong khuôn khổ dự án FRMP nhằm hỗ trợ phát triển Hệ thống Thông tin Thủy sản Philippin

<sup>18</sup> Dự án Quản lý Nguồn lợi Thủy sản

HĐQLNC&NLTS, cũng như đại diện Phòng Du lịch, Phòng Kế hoạch và Phát triển huyện.

Tại hội thảo, các đại biểu đã được nghe bài giới thiệu về chu trình lập kế hoạch và thực hiện công tác TT-GD-TT, các sáng kiến có liên quan như các hoạt động do FRMP và STREAM tiến hành, và một số kết quả thu được từ đợt Khảo sát Tiếp cận Thông tin ở miền Tây Visayas (tức vùng VI - xem thêm bài viết của Gonzales, Felsing và Pador trong số Tạp chí này). Mỗi phiên họp được bắt đầu bằng một bài giảng ngắn về các nguyên tắc làm việc, những chỉ dẫn nhỏ và kỹ thuật sử dụng các phương tiện in ấn và truyền thông đại chúng.

Những nhận định từ các bài tham luận được đại biểu đưa ra thảo luận và đưa ra những thay đổi cần thiết, bởi vậy không cần nhiều công sức để rà soát lại trước khi được ấn hành. Các đề tài như *điều hành hội thảo* và *huy động sự tham gia của cộng đồng* cũng được đưa vào thảo luận - điều này rất có ý nghĩa đối với công việc của các cán bộ khuyến nông, khuyến ngư và đại diện FARMC.

Cuối hội thảo, các đại biểu đã chuẩn bị được 3 tấm pa-nô và 3 áp phích cho khu cấm khai thác cá, khu nghỉ mát và khu bảo tồn nhuyễn thể ở ngay chính địa phương của họ. Họ cũng đã soạn ra các bản tin truyền thanh với thời lượng đọc 30 giây, 3 vở kịch ngắn với nội dung tuyên truyền những điều khoản quan trọng của sắc luật, một tấm biểu ngữ và một bài thơ cổ động sẽ được sử dụng trong chiến dịch vận động quản lý nguồn lợi ven bờ, một bài thuyết trình thiết kế trên phần mềm máy tính PowerPoint để giới thiệu về sắc luật cho các cán bộ chính quyền và đồng nghiệp, và một số bài báo về những sáng kiến quản lý nguồn lợi ven bờ của họ. Anh biên tập viên tham dự hội thảo đã hứa sẽ hiệu chỉnh lại các bài viết này trước khi đăng tải lên tờ báo của mình. Các đại biểu cũng đã lên kế hoạch xuất bản một cuốn sách cung cấp những hiểu biết sơ đẳng về sắc luật nghề cá mới.

### Những mẫu chuyện

Trong giờ nghỉ giải lao và tại phiên bế mạc, các đại biểu đã có dịp trao đổi lẫn nhau những kinh nghiệm của họ. Dưới đây là 2 câu chuyện:

*Salvador Bartocillo (Buddy), Phòng Kế hoạch và Phát triển Thành phố*

Buddy tâm sự, anh đánh giá rất cao cách thức tổ chức các phiên họp trong hội thảo, vì qua đó chính anh và các thành viên thảo luận có thể bổ sung cho nhau những kỹ năng thiết kế hoạt động TT-GD-TT. Mọi người đều nhận xét rằng với giọng nói truyền cảm tự nhiên, Buddy có thể đọc các chương trình truyền thanh phục vụ các chiến dịch tuyên truyền về sắc luật này. Anh cũng tin rằng những kiến thức anh có được về sử dụng phần mềm trình chiếu PowerPoint có thể giúp anh giới thiệu sinh động hơn công việc của mình ở Phòng Kế hoạch và Phát triển Thành phố. Anh cũng đã nhận ra rằng, không giống với các hội thảo mà anh đã tham dự trước đây, không khí thân mật của hội thảo lần này đã giúp cho các đại biểu và những thành phần chủ chốt của hội thảo tham gia tích cực và linh động hơn, điều đó cũng thể hiện trực tiếp thông qua các kết quả đạt được. Anh hy vọng được tham gia vào những hoạt động tương tự trong thời gian tới.

*Belinda Garrido (Bels), Phòng Nông nghiệp Thành phố*

Bels kể chuyện chị cùng với Nhóm Cán sự Kỹ thuật (Technical Working Group) và các thành viên FARMC đã vất vả thế nào khi vận động thực hiện các phương pháp quản lý nguồn lợi ven bờ ở thành phố Roxas. Sắc luật nghề cá chính là thành quả của công việc khó khăn đó. Tuy nhiên, chị cũng thừa nhận rằng việc thông qua sắc luật mới chỉ là bước đầu tiên. Nhiệm vụ to lớn ở phía trước là phải làm sao để phổ biến rộng rãi và thực hiện được nó. Bản thân chị cũng chưa hề được tập huấn về kỹ thuật TT-GD-TT. Bởi vậy chị cho rằng hội thảo được tổ chức rất đúng lúc, chị cũng rất vui khi được hội thảo phát cho một số tài liệu về TT-GD-TT. Một điều nữa khiến Bels cảm thấy hài lòng, đó là kiến thức thu được và động lực tạo ra từ cuộc hội thảo đã giúp cho chị và đồng nghiệp có một niềm say mê riêng đối với công tác lập kế hoạch TT-GD-TT và biên soạn tài liệu chuyên môn. Chị tin rằng, những gì chị nắm bắt được về những nguyên tắc chỉ đạo trong tổ chức và điều hành hội họp sẽ giúp cho chị và các đồng nghiệp làm tốt hơn công tác vận động quần chúng – một nhân tố có ý nghĩa sống còn của công tác khuyến nông, khuyến ngư.

*Belinda M Garrido là Cán bộ TT-GD-TT Thủy sản thuộc Phòng Nông nghiệp Thành phố Roxas vùng Capiz. Địa chỉ thư điện tử của chị như sau: <belrengar@yahoo.com>. Elizabeth M Gonzales là Trưởng phòng Thông tin STREAM Philippin, địa chỉ thư điện tử: <streamfar-phil@skyinet.net>.*

## VÀI NÉT VỀ TẠP CHÍ STREAM

### **Tạp chí STREAM được xuất bản bởi:**

Sáng kiến Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản khu vực (STREAM)

*Địa chỉ:* STREAM Initiative  
NACA Secretariat  
Suraswadi Building  
Department of Fisheries Compound  
Kasesart University Campus  
Ladyao, Jatujak, Bangkok 10903, Thailand

### **Ban biên tập**

Graham Haylor, Giám đốc STREAM  
Lê Thanh Lưu, Điều phối viên STREAM Việt Nam  
William Savage, Chuyên gia thông tin STREAM  
Sonia Seville, Điều phối viên STREAM Phi-lip-pin  
Thay Somony, Điều phối viên STREAM Cam-pu-chia

### **Mục đích**

Tạp chí STREAM được xuất bản hàng quý nhằm thúc đẩy sự tham gia, trao đổi thông tin và chính sách hỗ trợ sinh kế của người nghèo sử dụng nguồn lợi thủy sản, và để xây dựng mối quan hệ trong lĩnh vực quản lý nguồn lợi thủy sản cũng như các lĩnh vực khác ở Châu Á- Thái Bình Dương. Các bài viết trên tạp chí STREAM xoay quanh cuộc sống của người dân liên quan đến việc quản lý nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các đối tượng nghèo, các cơ quan, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức quốc tế cùng làm việc với cộng đồng. Các vấn đề được đề cập bao gồm việc học hỏi kinh nghiệm, giải quyết tranh chấp, kỹ thuật truyền thông, quản lý nguồn lợi thủy sản, luật pháp, sinh kế, giới, sự tham gia của người dân, đối tác, chính sách và trao đổi thông tin.

Một mục đích quan trọng khác của Tạp chí STREAM là tạo cơ hội cho những người dân bình thường trình bày quan điểm của mình trong một ấn bản chuyên môn. Nội dung Tạp chí STREAM không nhằm mục đích phản ánh quan điểm của một tổ chức hay cơ quan cụ thể nào đó, mà thể hiện những tiếng nói của các cá nhân giới thiệu kinh nghiệm của riêng mình. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung bài viết, còn STREAM xác nhận và chịu trách nhiệm về biên tập và tổng quan.

### **Xuất bản**

Tạp chí STREAM được xuất bản dưới ba hình thức:

- Bản điện tử được in và phân phối từ các Trung tâm thông tin của STREAM
- Bản điện tử có thể lấy từ trang web của STREAM tại địa chỉ [www.streaminitiative.org](http://www.streaminitiative.org)
- Bản in do Ban thư ký NACA phân phối

### **Tham gia đóng góp**

Tạp chí STREAM khuyến khích sự tham gia đóng góp các bài viết về những vấn đề cần quan tâm liên quan đến sử dụng nguồn lợi thủy sản. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể viết các bài báo về kinh nghiệm của mình (mỗi bài dài không quá 1000 từ, bằng tiếng Anh đơn giản) để đóng góp cho tạp chí.

Các bài đóng góp có thể trực tiếp chuyển tới William Savage, Biên tập viên Tạp chí theo địa chỉ thư điện tử <[savage@loxinfo.co.th](mailto:savage@loxinfo.co.th)>. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với Graham Haylor, Giám đốc STREAM, theo địa chỉ <[ghaylor@loxinfo.co.th](mailto:ghaylor@loxinfo.co.th)>

## GIỚI THIỆU VỀ SÁNG KIẾN STREAM

Sáng kiến Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực (STREAM) là sáng kiến nằm trong Chương trình hành động 5 năm của Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản Châu Á - Thái Bình Dương (NACA). Mục đích của STREAM là hỗ trợ các cơ quan và tổ chức:

- Sử dụng thông tin hiện có một cách có hiệu quả hơn
- Hiểu biết tốt hơn về cuộc sống của người dân
- Tạo cơ hội cho người nghèo tham gia xây dựng các chương trình và chính sách có tác động đến cuộc sống của họ

Để thực hiện điều này, STREAM sẽ hỗ trợ các cơ quan, tổ chức xây dựng các chương trình, chính sách và nâng cao năng lực phục vụ cho việc:

- Xác định những vấn đề quản lý nguồn lợi thủy sản có tác động đến cuộc sống của người dân
- Giám sát và đánh giá các phương thức quản lý khác nhau
- Thu thập thông tin
- Xây dựng mạng lưới liên kết nội bộ và ngoại vi giữa các ngành cũng như các quốc gia

Sáng kiến STREAM được hình thành trên cơ sở sự hợp tác và hỗ trợ của AusAID, DFID, FAO, VSO với NACA; cố gắng áp dụng cách tiếp cận tổng thể, để liên kết các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý nguồn lợi thủy sản và hỗ trợ họ tham gia thiết kế, thực hiện và quản lý sáng kiến này.

Công việc của sáng kiến ở mỗi nước được thực hiện thông qua Nhóm điều phối quốc gia, gồm Điều phối viên (chuyên viên cấp cao được chính phủ đề cử) và Trưởng phòng Thông tin, liên kết với mạng lưới các đối tác trên toàn quốc. Trong 2 năm đầu, các Trưởng phòng Thông tin sẽ được STREAM hỗ trợ phần mềm, phần cứng, đào tạo, công nghệ thông tin, nhân sự và liên kết các đối tác trong nước thông qua mạng internet.

Hoạt động điều phối ở mỗi quốc gia sẽ được định hướng bằng Tài liệu chiến lược quốc gia được cập nhật hàng năm. Tài liệu này do Điều phối viên và Trưởng phòng Thông tin xây dựng với sự tư vấn của các đối tác, nhằm xác định các vấn đề chủ chốt, chỉ rõ các mối liên hệ ở cấp khu vực, đề xuất và xếp thứ tự ưu tiên những hoạt động cần triển khai, đồng thời tìm kiếm thêm nguồn tài chính cho các lĩnh vực này từ phía STREAM hoặc những nhà tài trợ khác (thông qua sự trợ giúp của STREAM).

Văn phòng STREAM khu vực (đặt tại Trụ sở Ban Thư ký NACA ở Băngcốc – Thái Lan) có chức năng chỉ đạo chung và điều phối ở cấp khu vực, phân bổ kinh phí và quản lý các hoạt động đan xen giữa 4 chủ điểm sinh kế, phát triển thể chế, xây dựng chính sách, và trao đổi thông tin của sáng kiến.

Sáng kiến STREAM sẽ được thực hiện liên tục, từ những thử nghiệm ban đầu ở Campuchia và Việt Nam mở rộng ra các nước Châu Á - Thái Bình Dương - nơi có cơ hội giải quyết vấn đề nghèo đói và ứng dụng phương pháp quản lý có hiệu quả. Khi đã tích lũy được những kinh nghiệm và bài học, các ảnh hưởng tích cực sẽ được tạo ra và đó sẽ là cơ sở để có thêm nguồn tài trợ cho sáng kiến này. Chiến lược trao đổi thông tin của STREAM nhằm vào việc gia tăng tác động lên các diễn biến phát triển ở khu vực thông qua việc cung cấp những kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết cho những diễn biến đó. Tạp chí và trang web STREAM đều là những hợp phần của chiến lược này.

### Các Trưởng phòng Thông tin Quốc gia của STREAM:

Cam-pu-chia: Sem Viryak. Địa chỉ thư điện tử: <cfdo@camnet.com.kh>

Ấn Độ: Rubu Mukherjee. Địa chỉ thư điện tử: <rubumukherjee@rediffmail.com>

In-đô-nê-xi-a: Alfida Ahada. Địa chỉ thư điện tử: <budhiman@indosat.net.id>

Mi-an-ma: Khin Muang Soe. Địa chỉ thư điện tử: <dof@mptmail.net.com>

Nêpan: Nilkanth Pokhrel. Địa chỉ thư điện tử: <agroinfo@wlink.com.np>

Phi-líp-pin: Elizabeth Gonzales. Địa chỉ thư điện tử: <streambfar-phil@skynet.net>

Việt Nam: Nguyễn Song Hà. Địa chỉ thư điện tử: <streamsapa@vietel.com.vn>

Tỉnh Vân Nam (Trung Quốc): Susan Li. Địa chỉ thư điện tử: <ynyycn@km169.net>, <blueseven@mail.china.com>